TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần La Thăng và bà Đinh Thị H Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1991. (có mặt)
Địa chỉ: thôn 05 (mới), xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1989. (vắng mặt lần thứ hai)
Địa chỉ: thôn 05 (mới), xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Thành H xây dựng gia đình vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 21/7/2011. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ cH chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Trong thời gian qua vợ cH không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ cH không còn, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2011 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/2/2010. Sau khi ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại các phiên làm việc không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Thành H được ly hôn; giao 01 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/02/2010 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Thành H tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 21/7/2011. Ngày 22/3/2021, nguyên đơn chị Hồ Thị T nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Thành H, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28, điều 186, điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thành H có nơi cư trú tại thôn 06 (thôn 05 mới), xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Thành H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ cH bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh H không có trách Nệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi. Trong thời gian qua vợ cH không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ cH không còn, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2011 đến nay. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con, không có nguyện vọng hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân xác định chị T và anh H không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Nhưng hiện nay, anh H thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân

giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị T đối với anh Nguyễn Thành H là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/2/2010. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Thành N hiện đang sống với chị T, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn anh H thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Hơn nữa, anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo quy định tại điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Hồ Thị T thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 theo quy định của Chính phủ và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T, sinh năm 1991 được ly hôn với anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1989.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 21/7/2011 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thành N, sinh ngày 01/2/2010. Giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hồ Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/7/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần La Thăng **Đinh Thị H Thủy** **Lê Thanh Hải**